

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2022/HS-ST

Ngày 12-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn.

2. Bà Nguyễn Thị Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 195/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/HSST-QĐ ngày 30/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng TUẤN A**, sinh năm 1992 tại huyện YT, tỉnh B; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố TC, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 10/12; Con ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1970 và bà Trần Thị H, sinh năm 1974; Bị cáo có vợ là Ngô Thị B, sinh năm 1993 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh B xử phạt 06 tháng tù về “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; chấp hành xong án phạt tù ngày 21/4/2021.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/4/2022 đến ngày 24/4/2022 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Có mặt)

2. Họ và tên: **Trần Thị H**, sinh năm 1980 tại huyện TY, tỉnh B; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố TĐ, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh B; Nơi ở hiện nay: Phòng 2203, tòa Landmart 105, Tổ Hữu, phường LK, quận HĐ, thành phố HN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo:

Không; Nghề nghiệp: Tự do, Văn hóa: 8/12; Con ông Trần H H, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1947; Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 15/12/2015, Công an huyện TY, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 16/4/2022 đến ngày 24/4/2022 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Có mặt)

3. Họ và tên: **Hoàng Hải T**, sinh năm 1980 tại quận BD, thành phố HN; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 127, phố DC, phường DC, quận BD, thành phố HN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 12/12; Con ông Hoàng Thái H, sinh năm 1957 và bà Vương Thị Thu H, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và có 3 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/4/2022 đến ngày 24/4/2022 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Có mặt)

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H: Luật sư Nguyễn Hồng Q - Luật sư Công ty Luật TNHH T Quân, Đoàn luật sư thành phố HN; Địa chỉ: Số 280 TĐT, phường HB, quận DD, thành phố HN.

(Có mặt)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Xuân H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố TĐ, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Ông Trần H Q, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Phòng 90, A8, phường TM, quận HM, thành phố HN.

(Vắng mặt)

- Anh Lê Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn LG, xã TH, huyện YT, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Đồng Xuân Ngọc, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn LG, xã TH, huyện YT, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Thái A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn G, xã TT, huyện TY, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Lâm Văn S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Tân T, huyện TY, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Vũ Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn LG, xã TH, huyện YT, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Lục Văn H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Tổ dân phố BB, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố M2, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Hoàng Khương D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Trần Quốc H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ dân phố TĐ, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh B.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2019, Trần Thị H, sinh năm 1980 ở tổ dân phố TĐ, thị trấn NN, huyện TY, nơi ở hiện nay: Phòng 2203, tòa Landmart 105, Tổ Hữu, phường LK, quận HĐ, thành phố HN xem mạng xã hội Facebook để tìm mua tài khoản ngân hàng số đẹp. H thấy tài khoản Facebook (không xác định được của ai) đăng tin mua tài khoản ngân hàng. H liên hệ với chủ facebook trên thì được trao đổi mua với giá 1.500.000 đồng/1 tài khoản. Do vậy, H nảy sinh ý định mua tài khoản ngân hàng của người khác để bán cho người này kiếm lời.

H nhờ một số người quen gồm: Hoàng TUẤN A, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố TC, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh B; Trần Xuân H, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố TĐ, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh B; Trần H Q, sinh năm 1966, trú tại phòng 90, A8, phường TM, quận HM, thành phố HN đi đến trụ sở các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh B và thành phố HN để làm thủ tục đăng ký, đứng tên mở tài khoản ngân hàng cho H. H cung cấp thẻ sim điện thoại, tiền phí làm thẻ để những người này đi làm thủ tục đăng ký mở thẻ. H nói với H và Q nhờ giúp làm thẻ để H

chuyển tiền qua tài khoản. H nói với TUẤN A mục đích làm thẻ để bán, H sẽ mua của TUẤN A với giá 1.000.000 đồng/1 tài khoản và bảo TUẤN A giới thiệu người đi làm thẻ để bán cho H, người bán thẻ được trả 500.000đồng/1 thẻ và TUẤN A được 500.000đồng/1 thẻ thì TUẤN A đồng ý. Kết quả điều tra xác định H, Q và TUẤN A đến các ngân hàng để làm thẻ đưa cho H bán như sau:

1- Trần Xuân H mở tổng số 02 tài khoản ngân hàng gồm: Ngày 20/5/2019 H mở 01 tài khoản số 102870017663 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Quang T, thành phố HN. Ngày 24/7/2019, H mở 01 tài khoản số 030059383422 tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Bắc Ninh.

2- Hoàng TUẤN A mở 05 tài khoản ngân hàng gồm: Ngày 22/7/2019, TUẤN A mở 01 tài khoản số 43110000956265 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh B. Ngày 23/7/2019, TUẤN A mở 03 tài khoản số 104870317201 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh B; số 2501205153660 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh B 2; số 187925638 tại Ngân hàng VPBank chi nhánh B. Ngày 17/10/2019, TUẤN A mở tài khoản số 8930537 tại Ngân hàng ACB chi nhánh B.

3- Trần H Q mở tổng số 03 tài khoản tại các ngân hàng trên địa bàn thành phố Nội gồm: Ngày 23/7/2019, Q mở tài khoản số 020080579374 tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh HC và tài khoản số 12610001063774 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh BD. Ngày 26/2/2020, Q mở tài khoản số 1015776218 tại Ngân hàng SHB chi nhánh Kinh Đô.

Sau khi lấy được số thẻ ngân hàng trên, Trần Xuân H, TUẤN A và Q trực tiếp đưa thẻ cho H. H trả TUẤN A số tiền 5.000.000 đồng, H và Q làm hộ H nên không lấy tiền. Sau đó H ra bến xe Nước Ngầm gửi 10 thẻ này vào bến xe Miền Đông cho người nhận theo tên và địa chỉ do chủ facebook cung cấp (H không nhớ tên và địa chỉ người nhận) rồi người này trả tiền mua thẻ của H như đã thỏa thuận.

Khoảng tháng 5/2020, Trần Thị H quen biết Hoàng Hải T, sinh năm 1980, trú tại 127, phố ĐC, phường ĐC, quận BD, thành phố HN là lái xe Tuấn Axi. H nói với T việc H muốn mua tài khoản ngân hàng của người khác để công nhân Việt Nam lao động bên T Quốc sử dụng chuyển tiền về cho gia đình và nhờ T làm nhiệm vụ giúp đưa, đón khách đi làm tài khoản tại một số ngân hàng thì T đồng ý.

Sau đó, H bàn bạc và thống nhất với TUẤN A và T nếu có người đi làm thẻ thì TUẤN A có nhiệm vụ đưa họ ra bến xe MĐ còn T có nhiệm vụ đưa đón những người này đến trụ sở các ngân hàng trên địa bàn thành phố HN để làm thẻ. H đưa tiền phí làm thẻ, thẻ sim, điện thoại di động cho T để T trực tiếp đưa cho người làm thẻ mở tài khoản loại VISA, đăng ký dịch vụ tin nhắn OTP SMS, Internet Banking. Khi nào có lịch hẹn lấy thẻ thì TUẤN A và T tiếp tục đưa đón những người này đến ngân hàng lấy thẻ, số thẻ lấy được T đem về giao cho H. Số tiền trả TUẤN A và người làm thẻ thì H sẽ đưa trực tiếp hoặc đưa cho T. Do T có quan hệ tình cảm với H nên H không trả tiền công. Ngoài TUẤN A và T, H bảo Trần Xuân H tiếp

tục đi làm thẻ ngân hàng cho H. Kết quả điều tra xác định TUẤN A, T, H giúp H làm thẻ ngân hàng như sau:

1- Ngày 14/7/2020, Trần Xuân H mở 02 tài khoản số 1016697875 tại Ngân hàng SHB chi nhánh HT và số 03301010705543 tại Ngân hàng MSB chi nhánh CG.

2- Từ ngày 02/7/2020 đến ngày 21/7/2020, TUẤN A và T đã đưa, đón 05 người đi đăng ký mở 41 tài khoản ngân hàng tại địa bàn thành phố HN để bán lại cho H, gồm:

- **Lê Văn T**, sinh năm 1995, trú tại thôn LG, xã TH, huyện YT mở tổng số 10 tài khoản ngân hàng, cụ thể:

+ Ngày 02/7/2020, T mở 01 tài khoản số 03301010704836 tại Ngân hàng MSB chi nhánh CG.

+ Ngày 03/7/2020, T mở 09 tài khoản: Số 108871843961 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh CD, số 19036040701015 tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh TTT, số 0910124074491 tại Ngân hàng MB chi nhánh TL, số 1016612876 tại Ngân hàng SHB chi nhánh Tây HN, số 13456617 tại Ngân hàng ACB chi nhánh HT, số 1305205405669 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh TUẤN A, số 218429262 tại Ngân hàng Vpbank chi nhánh TTT, số 32710722222 tại Ngân hàng SCB chi nhánh CG và số 03684841501 tại Ngân hàng Tpbank chi nhánh TL.

- **Đông Xuân Ngọc**, sinh năm 1991, trú tại thôn LG, xã TH, huyện YT mở tổng số 06 tài khoản ngân hàng, cụ thể:

Ngày 06/7/2020, N mở các tài khoản số 109871855193 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Nam TL, số 03688417801 tại Ngân hàng TPBank chi nhánh TL, số 218635065 tại Ngân hàng Vpbank chi nhánh TTT, số 1016623496 tại Ngân hàng SHB chi nhánh Tây HN, số 13510437 tại Ngân hàng ACB chi nhánh HQV và số 1305205405748 tại Ngân hàng Agribank TUẤN A.

- **Nguyễn Thái A**, sinh năm 1984, trú tại thôn Giữa, xã Tân T, huyện TY mở tổng số 10 tài khoản ngân hàng, cụ thể:

+ Ngày 07/7/2020, Nguyễn Thái A mở 04 tài khoản: Số 105871866110 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh TX, số 19036053268015 tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh ĐĐ, số 28910000296229 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh NK và số 218784194 tại Ngân hàng Vpbank chi nhánh NTL.

+ Ngày 08/7/2020, Nguyễn Thái A mở 06 tài khoản: Số 84325680573 tại Ngân hàng MB chi nhánh HQV, số 1016642228 tại Ngân hàng SHB chi nhánh TL, số 13545347 tại Ngân hàng ACB chi nhánh HT, số 3100205673635 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh TL, số 03691579701 tại Ngân hàng Tpbank chi nhánh TL.

+ Ngày 09/7/2020, Thái A mở 01 tài khoản số 020087576745 tại Ngân hàng SCB chi nhánh TL.

- **Lâm Văn S**, sinh năm 1987, trú tại TDP Phan, thị trấn PX, huyện YT mở

tổng số 06 tài khoản ngân hàng, cụ thể:

+ Ngày 13/7/2020, S mở 03 tài khoản: Số 26010001324993 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh MĐ, số 219278255 tại Ngân hàng VPBank chi nhánh TTT, 2560111236558 tại Ngân hàng MB chi nhánh XT.

+ Ngày 14/7/2020, S mở 3 tài khoản: Số 03700327101 tại Ngân hàng TPBank chi nhánh TL, số 13641997 tại Ngân hàng ACB chi nhánh Hồ Tùng Mậu và số 19036072486019 tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh TTT.

- **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã Tân T, huyện TY mở tổng số 09 tài khoản ngân hàng, cụ thể:

+ Ngày 20/7/2020, Thành mở 02 tài khoản: Số 101871919168 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh TX, số 28910000298216 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh NKhanh.

+ Ngày 21/7/2020, Thành mở 06 tài khoản: Số 8170184937686 tại Ngân hàng MB chi nhánh XT, số 0371145881 tại Ngân hàng TpBank chi nhánh TL, số 19036096846016 tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh TB, số 03301010706027 tại Ngân hàng MSB chi nhánh CG, số 020087749836 tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh ĐĐ, số 1016740036 tại Ngân hàng SHB chi nhánh Tây HN.

+ Ngày 31/7/2022, Thành mở 01 tài khoản số 1015567677 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh TL.

Sau khi những người nêu trên làm xong thẻ, TUẤN A trả cho người làm thẻ 500.000đồng/1 thẻ, riêng số tiền TUẤN A trả cho Đồng Xuân N để làm thẻ là 3.500.000 đồng. Sau khi nhận được 2 thẻ ngân hàng của Trần Xuân H và 41 thẻ ngân hàng do T đưa, H gửi 43 thẻ này vào bến xe Miền Đông và nhận tiền người mua trả như thỏa thuận.

Năm 2021, Trần Thị H quen biết một người phụ nữ tự giới thiệu tên là L làm ở quán mátxa số 92, NH, phường HB, quận HK, thành phố HN. Tho H khai L đặt vấn đề với H muốn mua tài khoản ngân hàng để chạy quảng cáo với giá 1.500.000 đồng/1 tài khoản. H tiếp tục bảo Q và TUẤN A đi đăng ký mở thêm tài khoản, đồng thời bảo TUẤN A tìm thêm người mở tài khoản để bán cho H. Kết quả điều tra xác định những người trực tiếp làm thẻ và bán cho H để H bán cho Ly như sau:

- **Hoàng TUẤN A** mở tổng số 05 tài khoản ngân hàng tại các ngân hàng trên địa bàn thành phố HN và được H trả tổng số 4.000.000 đồng, gồm:

+ Ngày 05/5/2021, TUẤN A mở 3 tài khoản ngân hàng: Số 45010005193279 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh HĐ, số 19391247 tại Ngân hàng ACB chi nhánh VP, số 105873202718 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh TUẤN A.

+ Ngày 10/5/2021, TUẤN A mở 1 tài khoản số 020092449328 tại Ngân Hàng Sacombank chi nhánh VP.

+ Ngày 02/7/2021, TUẤN A mở 01 tài khoản số 1019180677 tại Ngân hàng SHB chi nhánh HĐ.

- **Trần H Q** mở tổng số 02 tài khoản ngân hàng tại một số ngân hàng trên địa bàn thành phố Nội, gồm:

+ Ngày 12/8/2021, Q mở 01 tài khoản số 45010005253182 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh HĐ.

+ Ngày 09/11/2021, Q mở 01 tài khoản số 19037899415010 tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh TL.

Trong thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2021, TUẤN A tiếp tục bảo Lâm Văn S đi làm 03 tài khoản và giới thiệu đưa thêm 03 người khác đi làm thủ mở 08 tài khoản ngân hàng tại một số ngân hàng trên địa bàn thành phố HN để bán cho H, gồm:

- **Lâm Văn S** mở tổng số 03 tài khoản ngân hàng, cụ thể:

Ngày 10/11/2021, S mở các tài khoản: Số 10877416947 tại Ngân hàng Vpbank chi nhánh HĐ, số 9877423814 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tây HN và số 22246787 tại Ngân hàng ACB chi nhánh VP.

- **Vũ Văn T**, sinh năm 1993, trú tại thôn LG, xã TH, huyện YT mở 02 tài khoản ngân hàng, cụ thể:

Ngày 26/5/2022, T mở các tài khoản số 100873325039 tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh TUẤN A và số 19826297 tại Ngân hàng ACB chi nhánh VP. Tuy nhiên, sau khi mua 02 thẻ của T, 01 thẻ số 19826297 bị lỗi nên TUẤN A chỉ bán được cho H 01 thẻ.

- **Lục Văn H**, sinh năm 2000, trú tại tổ dân phố BB, thị trấn NN, huyện TY mở tổng số 05 tài khoản ngân hàng, cụ thể:

+ Ngày 26/5/2021, H mở 01 tài khoản số 45010005274013 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh HĐ.

+ Ngày 10/11/2021, H mở 04 tài khoản: Số 1024250706 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tây HN, số 020094860041 tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh VP, số 70034001512 tại Ngân hàng Tpbank và số 190370900633019 tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh HT.

- **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố M2, thị trấn PX, huyện YT mở 01 tài khoản ngân hàng, cụ thể:

Ngày 26/5/2021, H mở tài khoản số 45010005209839 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh HĐ.

- **Hoàng Khương D**, sinh năm 1986 ở TDP Chùa, thị trấn PX, huyện YT mở tổng số 02 tài khoản ngân hàng, cụ thể:

Ngày 24/5/2021, D mở các tài khoản số 45010005207824 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh HĐ và số 19768677 tại Ngân hàng ACB chi nhánh VP. Sau đó D làm mất giấy chứng minh nhân dân nên không đến lấy số thẻ này nên chưa bán được cho TUẤN A và H.

Sau khi làm thẻ, TUẤN A trả cho người làm thẻ 500.000đồng/1 thẻ, riêng số

tiền TUẤN A trả D là 2.500.000 đồng và không phải trả tiền làm thẻ cho Lục Văn H. Sau đó TUẤN A và Q đưa thẻ cho H. Tổng số thẻ H nhận của Q và TUẤN A là 17 thẻ, H tiếp tục ra bến xe Nước Ngầm gửi số thẻ này vào bến xe Miền Đông theo địa chỉ của người nhận do Ly cung cấp (H không nhớ tên và địa chỉ người nhận). Sau đó, Ly thanh toán tiền mua thẻ cho H như thỏa thuận.

Như vậy, tổng số tài khoản ngân hàng mà Trần Thị H đã mua và bán lại cho người khác là 70 tài khoản. Hoàng TUẤN A trực tiếp làm 10 tài khoản và đưa người khác đi làm 52 tài khoản, bán được 61 tài khoản cho H (do 1 thẻ bị lỗi). Hoàng Hải T giúp sức cho H đưa, đón người đi đăng ký làm 41 tài khoản ngân hàng để H bán cho người khác.

Ngày 16/4/2022, Trần Thị H đến Công an thành phố B đầu thú. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét nơi ở của H thu giữ 07 thẻ ATM gồm: 03 thẻ ATM mang tên TRAN THI HANH; 02 thẻ ATM mang tên LUC VAN HIEU; 01 thẻ ATM mang tên TRAN H QUYNH; 01 thẻ ATM mang tên LAM VAN SY. Ngoài ra, Cơ quan điều tra thu giữ của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO. Ngày 16+17/4/2022, Cơ quan điều tra bắt Hoàng TUẤN A, Hoàng Hải T. Tại cơ quan điều tra, các bị can thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Cơ quan điều tra đã cho T, Thái A, N, S nhận dạng T. Kết quả tất cả đều nhận ra T là người đến đón ở bến xe MĐ và đưa đến các ngân hàng trên địa bàn thành phố HN để làm thẻ ngân hàng bán cho H.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn T khai bị mất chứng minh thư nhân dân và không đi làm thẻ ngân hàng để bán cho TUẤN A và H. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Thành trên hồ sơ đăng ký mở tài khoản tại 09 ngân hàng. Kết luận giám định số 1846 ngày 13/10/2022, kết luận giám định bổ sung số 1920, 1921 ngày 24/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B đã kết luận chữ ký, chữ viết trên hồ sơ đăng ký mở tài khoản nêu trên so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T do cùng một người ký ra, viết ra. Do vậy có đủ cơ sở để kết luận Thành đã đi đăng ký mở 09 tài khoản ngân hàng để bán TUẤN A và H

Về số tiền thu lời bất chính: Theo H khai bán cho người mua với giá 1.500.000 đồng/1 thẻ. Tổng số thẻ H bán là 70 thẻ, số tiền được trả là 66 thẻ do 04 thẻ lỗi không sử dụng được (đã thu giữ trong quá trình khám xét) được tổng số tiền là 99.000.000 đồng. TUẤN A trực tiếp đi làm và bán cho H là 10 thẻ, được H trả 9.000.000 đồng; số thẻ TUẤN A giới thiệu người khác đi làm là 52 thẻ và bán cho H là 51 thẻ (01 thẻ bị lỗi), được H trả 51.000.000 đồng. TUẤN A trả cho người trực tiếp làm thẻ là 26.500.000 đồng. Như vậy số tiền thu lời bất chính của H là 39.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính của TUẤN A là 33.500.000 đồng. Trần Thị H đã nộp lại số tiền thu lời bất chính là 25.000.000 đồng. Trong đó, số tiền của H là 15.000.000 đồng và của TUẤN A là 10.000.000 đồng.

Về hành vi có dấu hiệu phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Quá trình điều tra, xác minh xác định trong số tài khoản H bán thì có tài khoản số 1088.7184.3961 mở tại Ngân hàng Viettinbank chi nhánh CD, thành phố HN mang tên Lê Văn T và tài khoản số 43110000956265 mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh B mang tên Hoàng TUẤN A có phát sinh giao dịch có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

- Tài khoản số 1088.7184.3961: Kết quả điều tra xác định tháng 7/2020, chị Không Thị L, sinh năm 1987 trú tại thôn ĐQ, xã ĐS, thành phố B bị đối tượng sử dụng tài khoản Facebook lừa đảo yêu cầu chuyển 124.000.000 đồng đến tài khoản này và bị chiếm đoạt. Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, làm rõ.

- Tài khoản số 43110000956265: Kết quả điều tra xác định chị Bùi Thị L, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố số 3, thị trấn NB, huyện YD bị đối tượng sử dụng tài khoản Facebook lừa đảo yêu cầu chuyển 25.000.000 đồng đến tài khoản số 45010005193279 mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh B mang tên Hoàng TUẤN A để nhận tiền, quà. Sau đó, đối tượng tiếp tục yêu cầu chuyển 700.000.000 đồng vào tài khoản tại ngân hàng Agribank (chị Lan không nhớ số tài khoản) và bị chiếm đoạt. Ngày 05/5/2021, TUẤN A đến ngân hàng BIDV chi nhánh HĐ để đăng ký mở tài khoản thì được nhân viên ngân hàng thông báo vẫn còn tài khoản số 43110000956265 mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh B và số dư trong tài khoản là 62.818.416 đồng. Đây là số tài khoản trước đây TUẤN A đã đăng ký và bán cho H và H đã bán cho người mua. TUẤN A đã đăng ký lại dịch vụ Internet Banking rồi cung cấp cho H mật khẩu. H chuyển số tiền trên đến tài khoản của H rồi rút toàn bộ số tiền. H cùng TUẤN A đã chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã tách tài liệu và hướng dẫn chị Lan gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với hành vi của H và TUẤN A rút số tiền 62.730.000 đồng trong tài khoản 43110000956265 và chi tiêu do không xác định được người sử dụng tài khoản 43110000956265 nên không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với người mua 53 tài khoản của H vào năm 2019 và 2020: Theo H khai không biết là ai, không nhớ tên truy cập facebook, người này trả tiền làm nhiều lần và qua nhiều thẻ ngân hàng khác nhau, các thẻ này sau đó H tiếp tục bán nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với người có tên là L mua 17 tài khoản ngân hàng của H. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, thành phố HN nhưng không xác định và không làm rõ được.

Đối với Lê Văn T, Nguyễn Thái A, Đồng Xuân Ngọc, Lâm Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thế H, Lục Văn H, Vũ Văn T, Trần Xuân H và Trần H Q trực tiếp đi làm các tài khoản ngân hàng để đưa cho TUẤN A và H mua bán nhưng có số

lượng tài khoản chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tỉnh B xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 193/CT-VKS ngày 08 tháng 11 năm 2022, bị cáo Hoàng TUẤN A và Trần Thị H bị truy tố về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự; bị cáo Hoàng Hải T bị truy tố về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo khoản 1 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 291; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng TUẤN A từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/4/2022 đến ngày 24/4/2022. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng-15.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 291; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường LK, quận HĐ, thành phố HN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng-15.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 291; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Hữu T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày UBND phường ĐC, quận BĐ, thành phố HN nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/4/2022 đến ngày 24/4/2022 vào thời gian cải tạo không giam giữ (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường ĐC, quận BĐ, thành phố HN giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo phải khấu trừ một phần thu nhập từ 800.000 đồng/tháng đến 1.000.000 đồng/tháng trong thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng-15.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả lại Lê Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng-đồng, số IMEI 1: 869382031957394, số IMEI 2: 869382031957386, đã qua sử dụng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại bị cáo Trần Thị H 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB, số thẻ 4726.7400.1111.4002, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng TPBank, số thẻ 4709.7003.9550.9723, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng TPBank, số thẻ 3565.8603.9770.8080, đã qua sử dụng, tất cả các thẻ đều mang tên TRAN THI HANH.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Sacombank, số thẻ 4221.5105.9006.4088, mang tên LUC VAN HIEU, trên thẻ có gắn 01 sim Viettel 4G số 8984.0480.0031.9728.999, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng TPBank, số thẻ 4665.8403.8378.0902, mang tên LUC VAN HIEU, trên thẻ có gắn 01 sim Viettel 4G số 9894.0480.0032.6658.984, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Techcombank, số thẻ 4221.4986.9849.0191, mang tên TRAN H QUYNH, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, số thẻ 4524.0418.1767.4859, mang tên LAM VAN SY, đã qua sử dụng.

+ Buộc bị cáo Trần Thị H phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 39.000.000 đồng. H đã nộp được 15.000.000 đồng, còn tiếp tục phải nộp 24.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Hoàng TUẤN A phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 33.500.000 đồng. TUẤN A đã nộp được 10.000.000 đồng, còn tiếp tục phải nộp 23.500.000 đồng.

+ Đối với số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng) được đựng trong phong bì dán kín niêm phong đang bảo quản tại Kho bạc nhà nước tỉnh B cần sung ngân sách Nhà nước.

+ Buộc Lê Văn T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 5.000.000 đồng.

+ Buộc Đồng Xuân Nphải nộp lại số tiền thu lời bất chính 3.500.000 đồng.

+ Buộc Nguyễn Thái A phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 5.000.000 đồng.

+ Buộc Lâm Văn S phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 4.500.000 đồng.

+ Buộc Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 4.500.000 đồng.

+ Buộc Vũ Văn T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 1.000.000 đồng.

+ Buộc Nguyễn Thế H phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 500.000 đồng.

+ Buộc Hoàng Khương D phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 2.500.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H và bị cáo H nhất trí với bản luận tội

của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế, mục đích chỉ để tăng thêm thu nhập vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã ly hôn chồng, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên ảnh hưởng lớn đến thu nhập của bị cáo. Sau khi nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, bị cáo tự nguyện xin đầu thú. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, bị cáo rất thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân.

* Bị cáo Hoàng TUẤN A và Hoàng Hải T không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để có cơ hội cải sửa bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trần Thị H mua tài khoản ngân hàng của người khác để bán lại thu lợi bất chính. H thuê Hoàng TUẤN A tìm người làm thẻ ngân hàng rồi bán cho H. H nhờ Hoàng Hải T làm nhiệm vụ đưa đón những người làm thẻ đến trụ sở các ngân hàng trên địa bàn thành phố HN để làm thủ tục mở thẻ, nhận thẻ rồi giao cho T để đưa lại cho H. Từ năm 2019 đến năm 2021, H đã mua, bán tổng số 70 thẻ ngân hàng, thu lời tổng số tiền 39 triệu đồng. Hoàng TUẤN A đã trực tiếp làm 10 thẻ ngân hàng mang tên TUẤN A rồi bán cho Trần Thị H. Ngoài ra, TUẤN A còn giới thiệu và đưa 8 người khác đi làm được tổng số 52 thẻ ngân hàng tại các ngân hàng trên địa bàn thành phố HN sau đó bán 51 thẻ cho H, thu lời tổng số tiền là 33.500.000 đồng. Hoàng Hải T đồng phạm giúp sức cho Trần Thị H trong việc mua bán tổng số 41 thẻ ngân hàng. Hành vi của bị cáo Hoàng TUẤN A và Trần Thị H đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo bị cáo Hoàng Hải T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo khoản

1 Điều 291 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo:

[3.1] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương, xâm phạm trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi mua tài khoản ngân hàng của người khác để bán lại thu lợi bất chính là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố ý phạm tội nên cần xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội này.

[3.2] Về vai trò các bị cáo: Các bị cáo cùng cố ý phạm tội nhưng không có dấu hiệu tổ chức, không có sự cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Trần Thị H là người khởi sự, thuê Hoàng TUẤN A tìm người làm thẻ ngân hàng rồi bán cho H, nhờ Hoàng Hải T làm nhiệm vụ đưa đón những người làm thẻ đến trụ sở các ngân hàng để làm thủ tục mở thẻ, nhận thẻ rồi giao lại cho H nên bị cáo H có vai trò cao nhất. Bị cáo TUẤN A có vai trò thứ hai, bị cáo T có vai trò thứ ba trong vụ án.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Hải T có nhân thân tốt. Bị cáo Hoàng TUẤN A có tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Trần Thị H đã bị xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích” năm 2015.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Hoàng TUẤN A có một tiền án nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Thị H, Hoàng Hải T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo Trần Thị H tự nguyện xin đầu thú tại cơ quan Công an. Bị cáo Trần Thị H, Hoàng Hải T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Trần Thị H, Hoàng TUẤN A tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lời bất chính. Do vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng TUẤN A; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Hải T; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị H.

[5] Bị cáo Trần Thị H tuy đã từng bị xử phạt hành chính nhưng thời gian xử phạt hành chính đã lâu, hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, căn cứ vào hướng dẫn tại nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo H khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho UBND xã, phường nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt

[6] Bị cáo Hoàng TUẤN A có một tiền án nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn cố ý phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tù giam có thời hạn đối với bị cáo.

[7] Bị cáo Hoàng Hải T đóng vai trò thứ ba trong vụ án, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, hành vi phạm tội là ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giữ đối với bị cáo. Bị cáo làm nghề lái xe, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng nên cần buộc bị cáo phải khấu trừ một phần thu nhập là 1.000.000 đồng/tháng trong thời gian chấp hành án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của bị cáo H và bị cáo TUẤN A nhằm mục đích thu lợi bất chính, bị cáo T tuy không được hưởng lợi nhưng có vai trò đồng phạm rất tích cực, biết rõ hành vi của bị cáo H và TUẤN A nhằm mục đích thu lợi bất chính nhưng vẫn phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả ba bị cáo nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- + Trả lại Lê Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng-đồng, số IMEI 1: 869382031957394, số IMEI 2: 869382031957386, đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- + Trả lại bị cáo Trần Thị H 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB, số thẻ 4726.7400.1111.4002, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng TPBank, số thẻ 4709.7003.9550.9723, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng TPBank, số thẻ 3565.8603.9770.8080, đã qua sử dụng, tất cả các thẻ đều mang tên TRAN THI HANH do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- + Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Sacombank, số thẻ 4221.5105.9006.4088, mang tên LUC VAN HIEU, trên thẻ có gắn 01 sim Viettel 4G số 8984.0480.0031.9728.999, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng

TPBank, số thẻ 4665.8403.8378.0902, mang tên LUC VAN HIEU, trên thẻ có gắn 01 sim Viettel 4G số 9894.0480.0032.6658.984, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Techcombank, số thẻ 4221.4986.9849.0191, mang tên TRAN H QUYNH, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, số thẻ 4524.0418.1767.4859, mang tên LAM VAN SY, đã qua sử dụng do liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

+ Buộc bị cáo Trần Thị H phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 39.000.000 đồng. Bị cáo H đã nộp được 15.000.000 đồng, bị cáo còn tiếp tục phải nộp 24.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Hoàng TUẤN A phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 33.500.000 đồng. Bị cáo TUẤN A đã nộp được 10.000.000 đồng, bị cáo còn tiếp tục phải nộp 23.500.000 đồng.

+ Đối với số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng) được đựng trong phong bì dán kín niêm phong đang bảo quản tại Kho bạc nhà nước tỉnh B cần sung ngân sách Nhà nước.

+ Buộc Lê Văn T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 5.000.000 đồng.

+ Buộc Đồng Xuân N phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 3.500.000 đồng.

+ Buộc Nguyễn Thái A phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 5.000.000 đồng.

+ Buộc Lâm Văn S phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 4.500.000 đồng.

+ Buộc Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 4.500.000 đồng.

+ Buộc Vũ Văn T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 1.000.000 đồng.

+ Buộc Nguyễn Thế H phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 500.000 đồng.

+ Buộc Hoàng Khương D phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 2.500.000 đồng.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 29; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thị H 10 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”. Thời gian thử thách 01 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường LK, quận HĐ, thành phố HN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung cho bị cáo 15.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể

quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 291; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hoàng TUẤN A 8 tháng tù về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/4/2022 đến ngày 22/04/2022. Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 291; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Hữu T 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân phường ĐC, quận BD, thành phố HN nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/4/2022 đến ngày 24/4/2022 vào thời gian cải tạo không giam giữ (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường ĐC, quận BD, thành phố HN giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Buộc bị cáo phải khấu trừ một phần thu nhập là 1.000.000 đồng/tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ sung Ngân sách Nhà nước.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và các nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại Lê Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng-đồng, số IMEI 1: 869382031957394, số IMEI 2: 869382031957386, đã qua sử dụng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Trần Thị H 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB, số thẻ 4726.7400.1111.4002, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng TPBank, số thẻ 4709.7003.9550.9723, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng TPBank, số thẻ 3565.8603.9770.8080, đã qua sử dụng, tất cả các thẻ đều mang tên TRAN THI HANH.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Sacombank, số thẻ

4221.5105.9006.4088, mang tên LUC VAN HIEU, trên thẻ có gắn 01 sim Viettel 4G số 8984.0480.0031.9728.999, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng TPBank, số thẻ 4665.8403.8378.0902, mang tên LUC VAN HIEU, trên thẻ có gắn 01 sim Viettel 4G số 9894.0480.0032.6658.984, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Techcombank, số thẻ 4221.4986.9849.0191, mang tên TRAN H QUYNH, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, số thẻ 4524.0418.1767.4859, mang tên LAM VAN SY, đã qua sử dụng.

- Buộc bị cáo Trần Thị H phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 24.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Hoàng TUẤN A phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 23.500.000 đồng.

- Đối với số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng) được đựng trong phong bì dán kín niêm phong đang bảo quản tại Kho bạc nhà nước tỉnh B, cần sung Ngân sách Nhà nước.

- Buộc Lê Văn T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 5.000.000 đồng.

- Buộc Đồng Xuân N phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 3.500.000 đồng.

- Buộc Nguyễn Thái A phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 5.000.000 đồng.

- Buộc Lâm Văn S phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 4.500.000 đồng.

- Buộc Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 4.500.000 đồng.

- Buộc Vũ Văn T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 1.000.000 đồng.

- Buộc Nguyễn Thế H phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 500.000 đồng.

- Buộc Hoàng Khương D phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 2.500.000 đồng.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo.
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP.B.
- VKS tỉnh B.
- TUẦN AND tỉnh B.
- Công an Thành phố B.
- Chi cục THADS TP. B.
- Trại Tạm giam CA tỉnh B.
- Sở tư pháp tỉnh B.
- UBND p.LK, q.HĐ, HN.
- UBND p.ĐC, q.BĐ, HN.
- UBND TT PX, h.YT, B.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo